



YANMAR

Máy kéo

EF725T

72 Mã lực



CÔNG TY TNHH MÁY NÔNG NGHIỆP YANMAR VIỆT NAM

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà ITAXA
126 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 28 3920 9626

Văn phòng đại diện

Tầng 12A, Tòa nhà Geleximco,
36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3217-1045/1046

Tổng đài Yanmar Việt Nam

1900 9286

Tìm Yanmar Việt Nam trên internet

 facebook.com/maynongnghiepyanmar
 youtube.com/yanmarvietnam
 www.yanmar.com/vn

SMARTASSIST



Mạnh mẽ và đa dụng

DÀN Ủ

Dễ dàng sử dụng và gia tăng chức năng ủ
San phẳng dễ dàng hơn và mạnh mẽ hơn
Khung chính của dàn ủ được liên kết với cầu sau



DÀN CÀY 3 CHẢO

Với 3 chảo, hiệu suất cày mạnh mẽ



DÀN CÀY 7 CHẢO

Với 7 chảo, hiệu suất cày mạnh mẽ



DÀN XÓI

Chiều rộng 2,2m
Gia tăng năng suất và chất lượng làm việc



Động cơ mạnh mẽ và tiết kiệm nhiên liệu vượt trội

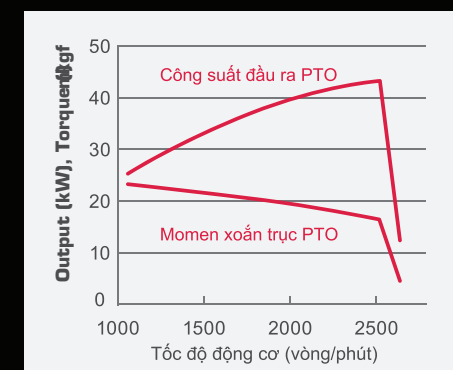
Động cơ Yanmar chất lượng cao

Động cơ diesel TNV

72 mã lực/2500 vòng/phút

Trang bị động cơ TNV phun nhiên liệu trực tiếp thế hệ mới

Động cơ 4TNV98 mạnh mẽ và tiết kiệm nhiên liệu đặc trưng của Yanmar, tổng dung tích 3.3 lít với 4 xu páp, động cơ nạp khí tự nhiên.

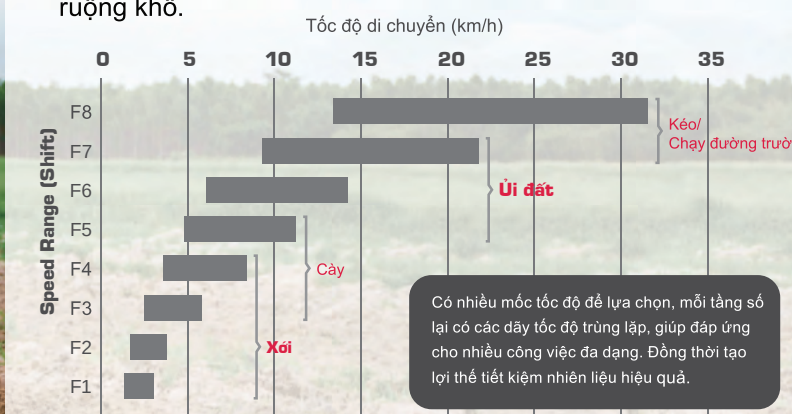


Momen xoắn và công suất đầu ra cao hơn trong mọi dải tốc độ của động cơ, ngay cả trong dải tốc độ vòng quay thấp bạn vẫn có cảm giác động cơ mạnh mẽ.



Sang số êm dịu, độ tin cậy cao

Được trang bị hộp số bền bỉ với thiết kế hoàn toàn mới cho cảm giác nhẹ nhàng và êm ái. Hộp số đồng tốc 8 số tới và 8 số lùi tương thích tốt nhất với động cơ nhằm tối ưu hóa các tính năng và hiệu suất khi chịu tải nặng trên ruộng lúa và cả ruộng khô.



Thoải mái khi vận hành - giảm bớt mệt mỏi ngay cả khi hoạt động suốt ngày dài



Cần ga tay

Sàn chân phẳng hoàn toàn

Cần số phụ

Hoạt động chắc chắn và ổn định nhờ sự cơ động và di chuyển linh hoạt khi vận hành

Dễ dàng và thoải mái với hệ thống lái thủy lực hoàn toàn



Hệ thống lái trợ lực hoàn toàn bằng thủy lực được trang bị theo tiêu chuẩn với lực đánh lái nhẹ. Đặc biệt lợi thế khi làm việc trên địa hình gồ ghề kết hợp với dàn ụ.

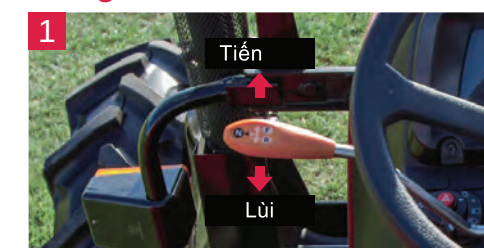
Góc đặt bánh trước (Caster) 10°



Cầu trước với góc lái 55 độ và góc đặt bánh trước (Caster) giúp ổn định trạng thái chuyển động thẳng của máy và tự trả lái sau khi chuyển hướng. Bán kính quay vòng nhỏ và lực đánh lái nhẹ giúp không bị ùn ứ.

Vị trí các cần điều khiển được thiết kế để tối ưu hiệu quả vận hành

Đồng tốc số tiến lùi



Dễ dàng điều khiển tiến lùi một cách linh hoạt, rất hiệu quả khi sử dụng dàn ụ.

Đồng tốc cần số chính



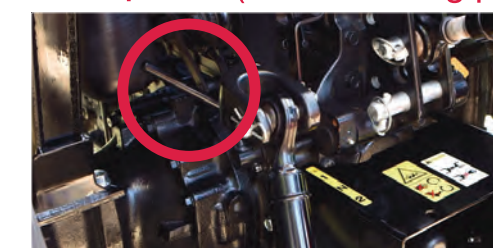
Sang số mà không cần phải ngừng hẳn máy nhờ vào hộp số đồng tốc hoàn toàn.

Số PTO độc lập



Đóng ngắt PTO khi chuyển hướng mà không cần đạp ly hợp, thuận tiện và hiệu quả khi hoạt động.

Tốc độ PTO (540/720 vòng/phút)



Tùy chọn tốc độ PTO phù hợp nhất để đạt năng suất và hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu

Ổn định chuyển động và linh hoạt Chuyển động thẳng và bán kính quay vòng nhỏ





Hiệu quả và canh tác ổn định

Hệ thống điều khiển lực kéo

Độ sâu làm việc có thể tự động điều chỉnh bằng cách gài cần điều khiển lực kéo.

Tải trọng được kiểm soát bằng cần điều khiển lực kéo nhằm duy trì tải kéo liên tục, thích hợp cho công việc cần tải kéo nặng và khô như công việc cày xới. Nông cụ tự động nâng lên khi tải kéo tăng, và hạ xuống khi tải kéo giảm. Bằng cách duy trì mức tải trọng không đổi, nó khiến máy kéo không bị trượt và quá tải.



Dễ dàng bảo dưỡng

Lọc gió thô

Có thể nhìn thấy được bụi bẩn bên trong

Lọc gió tinh

2 lưới lọc với dạng gió xoáy

Bình ắc quy

Nắp ca-po được mở hoàn toàn

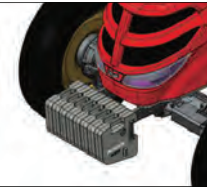
Dễ dàng kiểm tra, bảo dưỡng

Thông số kỹ thuật

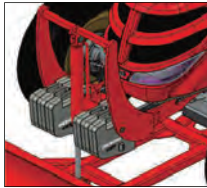
Hệ dẫn động				4 bánh (2 cầu)
Động cơ	Kiểu			4TNV98
	Loại			Động cơ diesel 4 thì, làm mát bằng nước
	Công suất		PS(kW) / vòng/phút	72(53.1) / 2500
	Công suất PTO		PS(kW) / vòng/phút	62.5(46.0) / 2500
	Dung tích xi lanh		cc	3319
	Đường kính x Hành trình pít tổng		mm	98x110
	Ắc quy		V	12
	Thùng nhiên liệu		Lít	70
Lọc gió				Loại khô, lọc thô và 2 lõi lọc tinh
Hệ thống chuyển động	Lốp xe	Trước	inch	9.5-24
		Sau	inch	16.9-30
	Hệ thống ly hợp			Loại khô, đĩa đơn
	Sang số			Số phụ ăn khớp đồng bộ, Đồng tốc số chính
	Số tiến lùi			Đồng tốc
	Cấp số			8 tiến/8 lùi
	Hệ thống lái			Trợ lực thủy lực
	Hệ thống phanh			Đĩa ướt, nhiều đĩa
	Hệ thống dẫn động 4 bánh			Cơ khí
	Bán kính quay vòng (có thẳng)		m	3.5
Tốc độ di chuyển tối đa	Tiến	km/h	2.9-31.8	
	Lùi	km/h	3.0-32.4	
PTO	Trục PTO			SAE 1-3/8 inch (35mm), 6 rãnh
	PTO / Tốc độ động cơ		rpm	540 / 2409
			rpm	720 / 2287
Hệ thống thủy lực	Lưu lượng bơm thủy lực		lít/phút	30.8
	Loại			Điều khiển vị trí và lực kéo
	Móc 3 điểm			SAE, Loại II
	Sức nâng tối đa	Tại thanh nối dưới	kg	2400
	Sức nâng tối đa	Tại OECD (24" sau điểm nâng)	kg	1600
		Tại độ cao dưới 500mm	kg	2000
Kích thước	Trọng lượng		kg	2250
	Chiều dài tổng thể (bao gồm móc 3 điểm)		mm	3670
	Chiều dài tổng thể (không bao gồm móc 3 điểm)		mm	3430
	Chiều rộng tổng thể		mm	1865
	Khoảng cách trục bánh xe		mm	2050
	Chiều cao tổng thể (bao gồm khung bảo vệ an toàn ROPS)		mm	2600
	Khoảng sáng gầm		mm	450
	Vệt bánh xe	Trước	mm	1420-1530
		Sau	mm	1440-1730



Tùy chọn



BỘ TẠ ĐẦU
40kg x 8 tạ (bao gồm chốt)
1A8294-91000



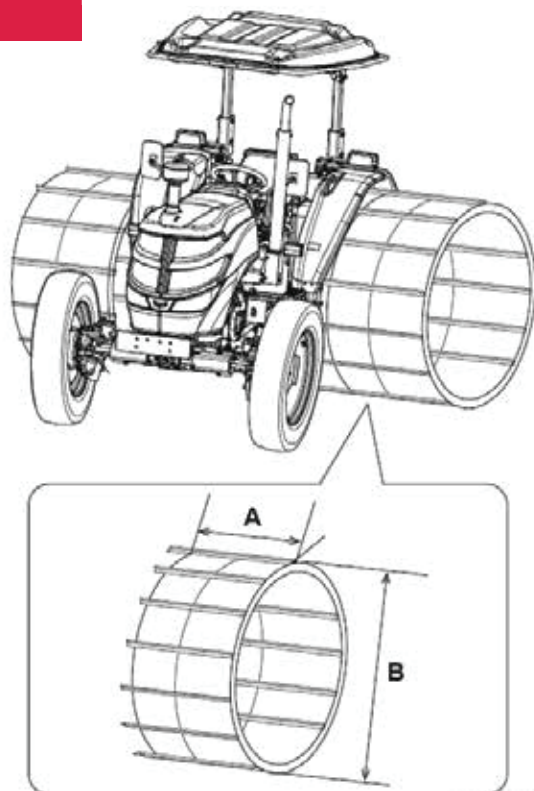
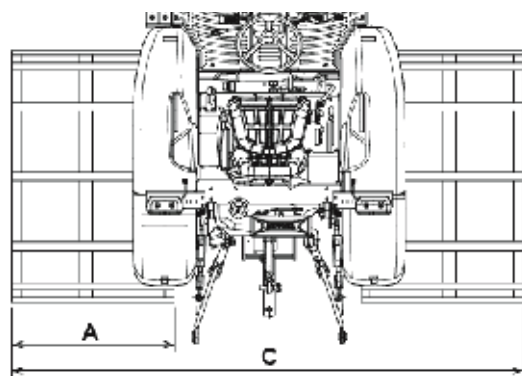
BỘ TẠ ĐẦU
40kg x 6 tạ (bao gồm chốt)
1A8294-91010



BỘ TẠ BÁNH SAU, TRỌN BỘ: 1A8296-91200
Mã này đủ 8 miếng
BỘ TẠ BÁNH SAU, CƠ BẢN: 1A8296-91210
Mã này gồm 2 miếng cơ bản
BỘ TẠ BÁNH SAU, BỔ SUNG: 1A8296-91220
Mã này thêm 2 miếng vào tạ cơ bản

Thiết kế chuyên dụng để lắp bánh lồng

- (A) Chiều rộng: Tối đa 1,000 mm
- (B) Đường kính: Tối đa 1,480 mm
- (C) Chiều rộng tổng thể: Tối đa 3,010 mm



Nông cụ và phụ kiện

Hàng loạt nông cụ đa dạng cho nhiều loại hình canh tác, kể cả trong điều kiện ruộng khô hoặc ruộng ướt.

Dàn xới

Tên model	Y2200RHS,D		
Hệ thống truyền động	Hộp truyền động chính	Loại	Bánh răng, nhiều tốc độ
		Tỷ số	1,93/1
Kích thước : Rộng x Dài x Cao		mm	(2,464 x 921 x 1,180)
Trọng lượng		kg	540
Chiều rộng xới		mm	2246
Loại lưỡi xới			L
Số lưỡi	Lưỡi trái	lưỡi	27
	Lưỡi phải	lưỡi	27
Tốc độ (trục xới/ trục PTO)		vòng/phút	(190,214,240,269) / 540PTO
Loại đất			Đất khô
Kết hợp với máy kéo		PS	70-95
Tốc độ làm việc (tham khảo)		km/h	2-5



Dàn ủi

Tên model		Y2100FBG	Y2100FBS
Trọng lượng dàn ủi	kg	145	218
Chiều cao dàn ủi	mm	559	520
Chiều rộng dàn ủi	mm	2130	2133
Độ cao nâng dàn ủi tối đa	mm	441	434
	mm	45	45
Kích thước xy lanh thủy lực	Đường kính xy lanh	mm	55
	Hành trình xy lanh	mm	63
	Hành trình xy lanh	mm	520
Tốc độ làm việc (tham khảo)	km/h	3-4	3-4



Dàn cày

Tên model		Y2630DPA	Y2630DPL
Kích thước chảo	inch	26	26
Số chảo	chảo	3	3
Chiều rộng	mm	1230	1070
Chiều dài	mm	2498	2310
Chiều cao	mm	1410	1220
Trọng lượng	kg	510	491
Độ sâu cày	mm	200-300	200-300
Bề rộng cày	mm	(1400)	(1180)
Loại đất		Bất kỳ	Bất kỳ
Kết hợp với máy kéo	PS	70-90	70-80
Tốc độ làm việc (tham khảo)	km/h	3-8	3-8



Dàn bừa

Tên model		Y2660PDA,W	Y2660PDA	Y2670PDA	Y2670PDL
Kích thước chảo	inch	26	26	26	26
Số chảo	chảo	6	6	7	7
Chiều rộng	mm	1460	1460	1460	1630
Chiều dài	mm	2420	2140	2420	2720
Chiều cao	mm	1200	1200	1200	1135
Trọng lượng	kg	570	540	575	598
Độ sâu cày	mm	200	200	200	200
Bề rộng cày	mm	1580	1330	1580	1740
Loại đất		Bất kỳ	Bất kỳ	Bất kỳ	Bất kỳ
Kết hợp với máy kéo	PS	70-90	60-70	70-90	70-80
Tốc độ làm việc (tham khảo)	km/h	3-8	3-8	3-8	3-8



Tất cả thông số trên có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
Hình ảnh trên catalogue chỉ có giá trị minh họa và có thể khác hơn so với thực tế.